

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DSST.

Ngày: 30/8/2022.

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Luân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Chí Công – Thẩm tra viên Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 26/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng N (Tên gọi tắt: A).

*Địa chỉ:* Số 02 L, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Hữu T – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh N Chi nhánh N, tỉnh Đắk Nông (Địa chỉ: Thôn tr, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông). (Có mặt).

*Bị đơn:* Ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B.

*Cùng địa chỉ:* Thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản lấy lời khai; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án, và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05/04/2018, ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B có vay vốn tại A Chi nhánh N, huyện C, tỉnh Đắk Nông với số tiền: 500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 5308-LAV-201800824 ngày 05/04/2018, hạn trả gốc cuối cùng vào ngày 04/04/2019, đề sử dụng vào mục đích: chăm sóc tiêu; Kỳ hạn trả nợ lãi: 06 tháng một lần; Kỳ hạn trả nợ gốc 01 kỳ. Khoản vay đã quá hạn kể từ ngày 05/04/2019. Dư nợ gốc đến ngày khởi kiện: 102.800.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay ông (bà): Phạm Văn Th và Trần

Thị B có thể chấp tài sản tại Ngân hàng nhưng quá trình thu hồi nợ tài sản bảo đảm đã được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi một phần nợ cho ngân hàng, hiện tính đến ngày 20/10/2021, tổng dư nợ còn lại của ông (bà): Phạm Văn Th và Trần Thị B tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại A Chi nhánh N, huyện C, tỉnh Đắk Nông là: 233.083.314 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm mười bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 102.800.000 đồng; nợ lãi: 130.283.314 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn: 89.140.932 đồng, nợ lãi quá hạn: 22.070.466 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 19.051.472 đồng. Ngân hàng A Chi nhánh N, huyện C, tỉnh Đắk Nông đã nhiều lần làm việc trực tiếp và/hoặc có văn bản yêu cầu ông (bà): Phạm Văn Th và Trần Thị B trả nợ. Tuy nhiên, tính đến nay, ông (bà): Phạm Văn Th và Trần Thị B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho A, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với A, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như nội dung thỏa thuận trong hợp đồng nên A chi nhánh N, huyện C, tỉnh Đắk Nông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tuyên buộc: Ông (bà): Phạm Văn Th và Trần Thị B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2022) là: 252.818.558 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 102.800.000 đồng; nợ lãi: 150.018.558 đồng, trong đó:

- + Nợ lãi trong hạn: 97.100.186 đồng
- + Nợ lãi quá hạn: 26.868.278 đồng
- + Nợ lãi chậm trả: 26.050.093 đồng.

Tuyên buộc ông (bà): Phạm Văn Th và Trần Thị B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Ông (bà): Phạm Văn Th và Trần Thị B trả hết nợ gốc cho A.

Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn đã làm đơn rút và không yêu cầu Tòa án xử lý đối với tài sản bảo đảm đã thế chấp tại ngân hàng và hiện chỉ yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ lại của ngân hàng như nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết.

*Đối với bị đơn ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B:* Quá trình giải quyết vụ án, để thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B thông qua việc niêm yết công khai nhưng ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B đều vắng mặt không có lý do.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút:* Về phần tuân theo pháp luật của Thẩm phán và HĐXX: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành

hòa giải đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS, bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do, do đó HĐXX tiến hành mở phiên tòa xét xử là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng N (A) số tiền còn nợ theo nội dung các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện, đình chỉ một phần yêu cầu đối với yêu cầu đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B cư trú tại: thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; vì vậy, tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết; do đó quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó việc HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Th, bà B là đúng quy định của pháp luật.

[4] *Về nội dung vụ án:*

Xét giao dịch giữa A chi nhánh N, tỉnh Đắk Nông và ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự trên là phù hợp với quy định pháp luật. Các khoản vay thể hiện tại Hợp đồng tín dụng số: 5308-LAV-201800824 ngày 05/04/2018 nội dung hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ đều thể hiện bên vay là ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B, có chữ ký của ông Th, bà B. Do đó, ông Th, bà B phải có nghĩa vụ trả nợ với các khoản nợ này.

Ông Th, bà B đã được ngân hàng giải ngân và nhận đủ số tiền vay. Kể từ ngày 05/4/2019 ông Th, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các

Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, các khoản nợ đã bị chuyển thành nợ quá hạn; số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2022) là 252.818.558 đồng, trong đó: nợ gốc 102.800.000 đồng; nợ lãi 150.018.558 đồng gồm: Nợ lãi trong hạn: 97.100.186 đồng; nợ lãi quá hạn: 26.868.278 đồng; nợ lãi chậm trả: 26.050.093 đồng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ, phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về xử lý, tài sản bảo đảm*: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với phần xử lý tài sản bảo đảm nên HĐXX cần áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[6] *Về án phí*: Ông Phạm Văn Th, bà Trần Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 180, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 299, 317, 323, 318, 319, 320, 357, 429, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 3, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B phải trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 5308-LAV-201800824 ngày 05/04/2018 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2022) tổng số tiền là 252.818.558 đồng, trong đó: nợ gốc 102.800.000 đồng; nợ lãi 150.018.558 đồng gồm: Nợ lãi trong hạn: 97.100.186 đồng; nợ lãi quá hạn: 26.868.278 đồng; nợ lãi chậm trả: 26.050.093 đồng.

Tiếp tục tính lãi từ ngày 31/8/2022 theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số: 5308-LAV-201800824 ngày 05/04/2018 đến khi ông Th, bà B trả xong các khoản nợ.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc ông Phạm Văn Th và bà Trần Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.641.000 đồng (đã làm tròn).

Hoàn trả Ngân hàng N số tiền 5.827.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0003653 ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện Cư Jút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Bá Luân**

